



**NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI VÀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THAM KHẢO  
KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2021**

**A. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI**

**I. Môn Kiến thức chung**

**1. Nội dung thi**

1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

1.2. Tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan Tư pháp từ Trung ương đến địa phương (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công tác Tư pháp cấp xã); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1.4. Các quy định của pháp luật về viên chức hiện hành.

1.5. Tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch chuyên viên pháp lý.

**2. Hình thức thi:**

Thi trắc nghiệm: 60 câu hỏi (thời gian 60 phút).

**II. Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)**

**1. Nội dung thi:**

**1.1 Đối với vị trí chuyên viên thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp**

Theo trình độ tương đương bậc 5/6 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương với bậc C1 trở lên trong Khung tham chiếu chung Châu Âu).

**1.2 Đối với vị trí chuyên viên thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản, chính sách, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan có liên quan cung cấp; làm công tác dữ liệu lý lịch tư pháp.**

Theo trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương với bậc B1 trở lên trong Khung tham chiếu chung Châu Âu)



**2. Hình thức thi:** Thi trắc nghiệm: 30 câu hỏi (thời gian 30 phút).

### **III. Môn Tin học**

1. Nội dung thi: Kiến thức cơ bản về MS.Word, Excel, Internet.

2. Hình thức thi: Thi trắc nghiệm: 30 câu hỏi (thời gian 30 phút).

### **IV. Môn Nghiệp vụ chuyên ngành**

#### **1. Nội dung thi**

1.1. Hiểu biết chung về lý lịch tư pháp.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong quản lý lý lịch tư pháp.

1.3. Mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan có liên quan trong công tác lý lịch tư pháp.

1.4. Vấn đề xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

1.5. Hoạt động cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

#### **2. Hình thức thi:**

Thi viết (thời gian 180 phút);

### **V. Điều kiện miễn một số môn:**

Người đăng ký dự tuyển được miễn thi môn tiếng Anh hoặc tin học trong các trường hợp sau:

1. Miễn phần thi đối với trường hợp:

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về tiếng Anh;

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Miễn phần thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

### **B. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

#### **A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG (Thi trắc nghiệm)**

##### **I - CÁC VẤN ĐỀ CHUNG**

1. Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII.

2. Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/06/2020 của Quốc hội.

3. Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.

4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

5. Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 13/6/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại một số Nghị quyết của Chính phủ.

6. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

7. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

8. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

9. Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử.

10. Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

11. Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

12. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

13. Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

14. Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia.

15. Quyết định 2659/QĐ-BTP ngày 03/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

16. Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã thực sự đem lại những kết quả rất tích cực, rõ nét trong toàn hệ thống.

17. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

## **II - TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

1. Hiến pháp nước CHXHCNVN.

2. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019.

3. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14 ngày 19/06/2020.

4. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019.

### **III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CƠ QUAN TƯ PHÁP, LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

1. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

3. Quyết định số 97/QĐ-BTP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

4. Quyết định số 31/QĐ-TTLLTPQG ngày 13 tháng 6 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các phòng của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

5. Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

### **IV- QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHÔNG ĐƯỢC LÀM**

1. Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

2. Luật viên chức năm 2010.

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức 2019.

4. Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Luật Doanh nghiệp năm 2020.

5. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Quy hoạch năm 2017.

6. Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện

chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

8. Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

### **B. MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Thi viết)**

1. Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

2. Bộ Luật hình sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2015 số 12/2017/QH14.

3. Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4. Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

5. Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

6. Luật đặc xá năm 2018.

7. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007.

8. Luật Phá sản năm 2014.

9. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

10. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

11. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.

12. Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”.

13. Quyết định số 97/QĐ-BTP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

14. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 06 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

15. Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc

hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

16. Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

17. Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030”.

18. Quyết định số 1713/QĐ-BTP ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

19. Quyết định số 1714/QĐ-BTP ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của Bộ Tư pháp giai đoạn 2013-2015.

21. Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

22. Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp./.

H  
A  
P